

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 01 – 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng.
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 516/2022/TLST - HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Tân Phong A, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Bích T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Tân Phong A, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Minh Q và chị Phạm Bích T chung sống với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo anh Q trình bày là do chị T thường hay uống rượu, đi chơi không quan tâm lo lắng cho gia đình nên vợ chồng hay cãi vã với nhau và mỗi lần cãi nhau thì chị T bỏ nhà đi. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình cùng bạn bè hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng chị T vẫn không sửa đổi, hiện anh và chị T sống ly thân 04 năm nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Q xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, anh Q khai vợ chồng chung sống có 01 người con là Lê Minh, sinh ngày 10/3/2011, hiện đang chung sống với anh Q. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và cháu Minh có nguyện vọng sống với anh Q.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Q khai không có.

Đối với chị Phạm Bích T, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, chị Phạm Bích T đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân, anh Q và chị T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do chị T không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q nên lời trình bày của Q về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính mâu thuẫn trên, anh Q xác định không còn tình cảm với chị T và kiên quyết ly hôn, nếu Tòa án giải quyết không cho ly hôn, anh cũng không chung sống với chị T. Từ lẽ đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Q với chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh Q về việc xin ly hôn với chị T là có cơ sở.

[3] Về con chung là Lê Minh, sinh ngày 10/3/2011, hiện đang chung sống với anh Q. Khi ly hôn, anh Q có yêu cầu được nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng, riêng chị T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho chị T nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi tại tòa, anh Q xác định chị có đủ điều kiện nuôi dạy con. Hơn nữa, cháu Minh cũng có nguyện vọng được chung sống với anh Q. Do đó, yêu cầu của anh Q về con là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh Q biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người

làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng anh Q cho rằng anh có công việc làm, thu nhập ổn định nên có đầy đủ điều kiện chăm lo cuộc sống của con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của anh. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, anh Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh Q về việc xin ly hôn chị Phạm Bích T.

- Về con chung là Lê Minh, sinh ngày 10/3/2011, hiện đang chung sống với anh Lê Minh Q. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu chị Phạm Bích T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Bích T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Lê Minh Q khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Lê Minh Q phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 06/10/2022, anh Q đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002060 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Hòa T,
thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân